

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2022/HS-PT

Ngày: 02-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Ông Trần Quốc Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 142/2022/TLPT-HS ngày 06 tháng 10 năm 2022, đối với bị cáo Nguyễn Thành L. Do có kháng cáo của các đại diện hợp pháp của người bị hại bà Lê Thị Đ và chị Bùi Thị N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2022/HS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Bị cáo bị kháng cáo: **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1981 tại Long An. Nơi ĐKKHKT: Ấp 1, xã M, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An; chỗ ở: Số 449, đường NTT, phường 2, quận T, TP. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1957 và bà Lê Thị B, sinh năm 1959; vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; Có 03 người con, người con lớn nhất sinh năm 2004 và người con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13-4-2022 và đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Lộc – Bộ Công an, có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp cho người bị hại có kháng cáo:

1. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1946; (Có mặt)

2. Chị Bùi Thị N, sinh năm 1985; (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Bùi Thị N:* Luật sư Huỳnh Hồ Minh H1 - Văn phòng Luật sư PG - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Những người tham gia tố tụng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không triệu T2:

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thành L sinh sống tại TP.Hồ Chí Minh từ năm 2014. Từ ngày 25-10-2021 đến ngày 27-10-2021, L về thăm cha mẹ tại ấp 1, xã M, huyện Thủ Thừa và đến UBND xã M làm thủ tục khai sinh cho con.

Khoảng 09 giờ ngày 27-10-2021, ông Nguyễn Văn T tổ chức uống rượu tại căn chòi lá phía trước nhà, tại khu dân cư thuộc ấp 2, xã M, huyện Thủ Thừa. Cùng tham gia uống rượu chung gồm có: ông Nguyễn Văn Th (cha của L), ông Nguyễn Văn D, ông Phạm Văn L1, chị Nguyễn Thị H và Nguyễn Thành L. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, có bị hại Lê Triệu T2 điều khiển xe mô tô biển số 62G1-335.06 đến cùng tham gia uống rượu. Sau đó, có anh Trần Hữu Ph đến cùng tham gia. Trong quá trình uống rượu, bị hại T2 gây chuyện cãi nhau qua lại với Ph, nhưng được mọi người can ngăn. Sau đó, chị H, ông Th, ông L và ông S lần lượt nghỉ ra về trước. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, chỉ còn lại ông T, bị cáo L và bị hại T2 ngồi uống rượu. Trong lúc uống rượu, L có lấy Giấy phép lái xe của mình do Quân Khu 7 – Bộ Quốc phòng cấp ra khoe với mọi người, L nói mình quen biết với nhiều cán bộ ở UBND xã M, huyện Thủ Thừa nên việc làm giấy tờ rất nhanh. Lúc này, giữa T2 và L xảy ra cự cãi qua lại. Trong lúc đang ngồi uống rượu, T2 dùng chân đá vào chân ghế nhựa L đang ngồi làm gãy chân ghế, L mất thăng bằng ngã người về sau nhưng không bị té, hai bên cãi nhau thì ông Tấn và chị Ngô Thị H là người bán vé số can ngăn và kêu T2 đi về. Lúc này, T2 lấy xe mô tô 62G1-335.06 chạy đi. Chị H đi vào nhà ông D bán vé số, ông T và L tiếp tục ngồi uống rượu. Khoảng 10 phút sau, tức lúc 17 giờ 30 cùng ngày, T2 điều khiển xe mô tô 62G1-335.06 đậu trước nhà ông D và đến tìm gặp L. T2 đứng dưới đường đan trước nhà ông Nguyễn Văn L, cách căn chòi khoảng 03m chửi mắng L: “mày là thằng nào, quen biết ai, quen biết ai kệ mẹ mày”, T2 liên tục lớn tiếng chửi mắng và đòi đánh nhau với L. L đi lại gần T2, cả hai dùng tay xô đẩy qua lại, tức giận nên L dùng tay phải đâm trúng vào mặt và đầu của T2 02 cái. Ông T chạy đến can ngăn nhưng L tiếp tục dùng tay xô đẩy làm T2 té ngã xuống đường đan. Nhìn thấy T2 nằm dưới đường đan còn cử động tay chân, L nghĩ do T2 bị say quá nằm ngủ, L và ông T lại căn chòi ngồi nói chuyện. Một lúc sau, anh Nguyễn Văn T đi làm về đến nhà nhìn thấy T2 nằm dưới đường đan nên gọi anh

Lê Phú B1 đến đưa anh T2 về nhà. Khi B1 đến nơi, Tân cùng B1 và ông D đỡ T2 lên xe để B1 và T chở đưa về nhà. Liền lúc này, L đi lại trước xe của B1 nói: “mày là B1 cháu thằng T2 phải không, lúc này thằng T2 đã ghé tao, tao đâm nó mấy đâm nằm một đồng”. B1 khuyên can rồi chạy đi, sau đó quay lại lấy xe mô tô của T2 đem về nhà. Lúc này, người thân của T2 phát hiện T2 bất tỉnh nên đưa T2 đến Trạm y tế xã M cấp cứu. Tại đây, bác sĩ cho biết Lê Triệu T2 đã tử vong.

Tại Kết luận giám định pháp y số 04.474/MBH-21 ngày 22-11-2021 của Trung tâm pháp y TP. Hồ Chí Minh về mô học đối với nạn nhân Lê Triệu T2 như sau: Chảy máu dưới nhện, tụ máu quanh cầu – hành não, dập phổi, tụ máu trong cơ vân.

Tại Kết luận giám định pháp y số HST 700/ĐC.2021 ngày 16-11-2021 của Trung tâm pháp y TP. Hồ Chí Minh về hóa pháp đối với nạn nhân Lê Triệu T2 như sau: Nồng độ Ethanol trong máu 365,97mg/100ml.

Tại Kết luận giám định pháp y về tử thi số 902/2021/KLGĐ ngày 26-11-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An kết luận nguyên nhân chết của nạn nhân Lê Triệu T2, do chấn thương sọ não.

- Nồng độ Ethanol trong máu: 365,97mg/100ml.

Tại Công văn số 1580/CAT-PC09 ngày 28-12-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An về việc xác định nguyên nhân tử vong của tử thi Lê Triệu T2 xác định:

- Nguyên nhân chính dẫn đến nạn nhân Lê Triệu T2 tử vong là do chấn thương sọ não (kín), vật gây chấn thương là vật tày.

- Cơ chế hình thành vết thương dẫn đến nạn nhân bị chấn thương sọ não: có sự tác động của ngoại lực làm vùng đầu – mặt của nạn nhân tiếp xúc với vật tày có tiết diện rộng dẫn đến u sưng mắt trái; bầm máu và sây sát da vùng mi mắt, vùng mặt; bầm tụ máu cơ thái dương hai bên (xương hộp sọ nguyên vẹn - chấn thương sọ não kín; tụ máu dưới màng cứng hai bán cầu; chảy máu dưới nhện; tụ máu quanh cầu – hành não; tụ máu trong cơ vân). Ngoài ra nạn nhân có nồng độ cồn trong máu cao (365,97 mg/100 ml) là yếu tố thuận lợi gây nên tổn thương (liều gây nguy hại cho tính mạng là 400mg/100ml).

Tại Kết luận giám định pháp y số HST 701/ĐC.2021 ngày 16-11-2021 của Trung tâm pháp y TP. Hồ Chí Minh về hóa pháp đối với Nguyễn Thành L, kết luận: nồng độ Ethanol trong máu 175,27mg/100ml.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2022/HS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An đã xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 134; các điểm b, e, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 07 (Bảy) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 591 Bộ luật Dân sự; các Điều 71, 111, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Buộc bị cáo Nguyễn Thành L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cháu Lê Thị Thu Tr sinh ngày 30-6-2010 và cháu Lê Triệu T3 sinh ngày 06-7-2016, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng mỗi cháu 745.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10-2021 cho đến khi 02 cháu Lê Thị Thu Tr và cháu Lê Triệu T3 đủ 18 tuổi.

Buộc bị cáo Nguyễn Thành L có nghĩa vụ bồi thường cho đại diện bị hại là chị Bùi Thị N, cháu Lê Thị Thu Tr, cháu Lê Triệu T3 và bà Lê Thị Đ tiền tổn thất tinh thần là 104.300.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14-9-2022, các đại diện hợp pháp của bị hại bà Lê Thị Đ và chị Bùi Thị N kháng cáo một phần của bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử tăng mức bồi thường thiệt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Bị cáo L thừa nhận hành vi phạm tội và đồng ý với mức án như án sơ thẩm đã xét xử. Đối với kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại của đại diện hợp pháp bị hại, bị cáo không đồng ý bồi thường thêm vì điều kiện về kinh tế của bị cáo không có khả năng, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

- Đại diện hợp pháp cho bị hại gồm bà Lê Thị Đ và chị Bùi Thị N do chị N đại diện trình bày thống nhất như sau: Bị hại Lê Triệu T2 là con ruột của bà Đ và là chồng của chị N. Giữa bị hại T2 với chị N có 02 người con chung, sinh ngày 30-6-2010 và 06-7-2016. Điều kiện kinh tế của gia đình bị hại hiện tại rất khó khăn, vừa phải nuôi con nhỏ và nuôi dưỡng mẹ già, nên mức bồi thường mà cấp sơ thẩm xét xử buộc bị cáo phải thường cho bên gia đình bị hại là quá thấp, không đảm bảo cuộc sống tối thiểu của những người còn lại mà bị hại khi còn sống có nghĩa vụ cấp dưỡng và chăm lo. Hơn nữa, Tòa án sơ thẩm không xem xét yêu cầu về phần bồi thường thiệt hại đối với khoản thu nhập bị mất của bị hại nếu bị hại còn sống. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo và buộc bị cáo bồi thường các khoản sau đây:

+ Thu nhập thực tế của bị hại là 3.000.000 đồng/tháng x 240 tháng = 720.000.000 đồng;

+ Tiền cấp dưỡng nuôi cháu Tr là (3.000.000 đồng/tháng x 12 tháng) x 6 năm = 216.000.000 đồng;

+ Tiền cấp dưỡng nuôi cháu T3 là (3.000.000 đồng x 12 tháng) x 12 năm = 432.000.000 đồng;

+ Tiền cấp dưỡng nuôi bà Đ là (1.000.000 đồng/tháng x 12 tháng) x 5 năm = 60.000.000 đồng;

+ Tiền tổn thất tinh thần là 2.300.000 đồng x 100 tháng = 230.000.000 đồng.

Tổng cộng là 1.658.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đại diện hợp pháp của người bị hại kháng cáo đúng thời hạn và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên vụ án đủ điều kiện để xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thành L phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng pháp luật; mức hình phạt đã tuyên phạt đối với bị cáo là phù hợp.

Về kháng cáo của đại diện hợp pháp cho người bị hại thấy rằng: Về trách nhiệm dân sự trong vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo L phải có trách nhiệm bồi thường như án sơ thẩm là có căn cứ. Đại diện bị hại kháng cáo, nhưng cũng không có cung cấp thêm chứng cứ gì mới, nên kháng cáo không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đại diện hợp pháp người bị hại trình bày:

+ Thống nhất về tội danh và hình phạt như án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo L.

+ Về trách nhiệm dân sự, căn cứ vào Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP và Điều 590 Bộ luật Dân sự cấp sơ thẩm chưa xem xét đến khoản thu nhập bị mất của bị hại và mức cấp dưỡng đối với những người mà người bị hại khi còn sống cấp dưỡng là quá thấp, không đảm bảo điều kiện để sinh hoạt thiết yếu cho một người trong một tháng như: Tiền cấp dưỡng nuôi con của bị hại chỉ có 750.000 đồng/tháng; đối với bà Đ, hiện tại còn lại 07 người con, nhưng từ trước đến nay bà Đ do bị hại T2 nuôi dưỡng, những người con còn lại của bà Đ không ai cấp dưỡng, nên bị hại T2 chết phải buộc bị cáo có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi bà Đ; đối với tiền bồi thường tổn thất tinh thần án sơ thẩm nhận định người bị hại có một phần lỗi nên chỉ buộc bồi thường tương đương 70 tháng lương cơ sở là không đúng theo quy định của pháp luật (100 tháng lương cơ sở); thu nhập thực tế bị hại bị mất mà người đại diện của người bị hại yêu cầu là có cơ sở chấp nhận. Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình của người bị hại, mức sống thực tế tại địa bàn tỉnh Long An, để chấp nhận kháng cáo của người bị hại, sửa bản án sơ thẩm theo hướng kháng cáo của người bị hại.

Bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại không tranh luận.

Sau khi tranh luận với quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người đại diện bị hại, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Đ về phần yêu cầu cấp dưỡng cho bà Đ.

Lời nói sau cùng: Bị cáo mong được Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo của đại diện người bị hại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đại diện hợp pháp bị hại bà Lê Thị Đ và chị Bùi Thị N kháng cáo đúng theo quy định của pháp luật tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo L tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự là xét xử đúng người, đúng tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, không có ai kháng cáo về hình phạt.

[3] Căn cứ các Điều 584, 585 và 591 Bộ luật Dân sự. Xét kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại về phần trách nhiệm dân sự như sau:

[3.1] Đối với yêu cầu khoản tiền mất thu nhập thực tế của bị hại từ thời điểm chết đến 20 năm sau: Trong vụ án này, người bị hại đã chết, đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu bồi thường mất thu nhập thực tế của bị hại là 3.000.000 đồng/tháng x 240 tháng = 720.000.000 đồng, án sơ thẩm nhận định pháp luật không có quy định, nên không chấp nhận yêu cầu là có căn cứ, nên kháng cáo không có căn cứ để chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 người con của người bị hại và cấp dưỡng nuôi bà Đ là mẹ ruột của bị hại, xét thấy: Về hoàn cảnh kinh tế của cả gia đình bị cáo và người bị hại đều khó khăn. Bị cáo là lao động tự do, không có việc làm ổn định, ngoài ra bị cáo cũng còn có con nhỏ. Do đó, mức cấp dưỡng cho con của người bị hại mà cấp sơ thẩm xem xét buộc bị cáo phải có nghĩa vụ cấp dưỡng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở là có căn cứ chấp nhận và việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ chung của cả cha mẹ theo quy định của pháp luật về Hôn nhân và Gia đình. Đối với bà Đ, ngoài bị hại T2 là con thì bà Đ còn có 07 người con khác; pháp luật cũng quy định, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cha mẹ là nghĩa vụ chung của các người con; hơn nữa, bà Đ cũng có tài sản riêng bảo đảm cho đời sống; khi bị hại T2 còn sống cũng chỉ là lao động tự do, mức thu nhập cũng không cao. Vì vậy, mức cấp dưỡng cho các người con của bị hại mà cấp sơ thẩm áp dụng là hoàn toàn phù hợp và không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của bà Đ là có căn cứ, nên kháng cáo không có căn cứ để chấp nhận.

[3.3] Đối với yêu cầu bồi thường về tổn thất tinh thần, thấy rằng: Án sơ thẩm nhận định người bị hại có một phần lỗi, nên chỉ buộc bị cáo bồi thường

tương đương 70 tháng lương cơ sở là có căn cứ. Đại diện bị hại yêu cầu tính 100 tháng lương với mức 2.300.000 đồng/tháng là không có căn cứ pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo.

[4] Từ những phân tích trên, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp cho người bị hại. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Chấp nhận một phần quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về giải quyết kháng cáo. Những ý kiến, quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người đại diện người bị hại là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ các Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà Lê Thị Đầm và chị Bùi Thị N không phải chịu án phí

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của đại diện hợp pháp cho người bị hại gồm: bà Lê Thị Đầm và chị Bùi Thị N. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2022/HS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, về phân trách nhiệm dân sự.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 591 Bộ luật Dân sự; các Điều 71, 111, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Buộc bị cáo Nguyễn Thành L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho: Cháu Lê Thị Thu Tr, sinh ngày 30-6-2010 và cháu Lê Triệu T3, sinh ngày 06-7-2016, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng mỗi cháu 745.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng, bắt đầu từ tháng 10-2021 cho đến khi 02 cháu Tr và cháu T3 đủ 18 tuổi.

Buộc bị cáo Nguyễn Thành L có nghĩa vụ bồi thường cho đại diện bị hại là chị Bùi Thị N, cháu Lê Thị Thu Tr, cháu Lê Triệu T3 và bà Lê Thị Đ tiên tổn thất tinh thần là 104.300.000 đồng.

Từ khi có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền chưa bồi thường, thì bị cáo Nguyễn Thành L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng các Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà Lê Thị Đầm và chị Bùi Thị N không phải chịu án phí.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01);
- TAND huyện Thủ Thừa (02);
- VKSND huyện Thủ Thừa (01);
- Công an huyện Thủ Thừa (01);
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa (01);
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thiện Tâm